

HỢP TÁC KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ MỞ RỘNG: QUAN ĐIỂM CỦA VIỆT NAM VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC

GS. DAISUKE HOSOKAWA

Đại học Kinh tế Osaka, Nhật Bản

Giới thiệu

Một khu vực hợp tác kinh tế đang được hình thành xung quanh Vịnh Bắc Bộ (ở khu vực Đông Nam của Trung Quốc và biên giới Việt Nam). Sáng kiến này tạo cho các khu vực công nghiệp duyên hải Trung Quốc tận dụng những lợi thế về vận tải đường biển với các nước láng giềng như Việt Nam, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philipnes và Brunei.

Vào tháng 6 năm 2006, chính quyền Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây đã tổ chức một Diễn đàn về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng ở Nam Ninh và đề xuất sáng kiến về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng.

Đằng sau những động thái này là sự hoà giải và cải thiện trong quan hệ giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, nhất là với Việt Nam. Sau xung đột biên giới

giữa Trung Quốc và Việt Nam năm 1979, quan hệ ngoại giao giữa hai nước đã bị gián đoạn. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai nước đã được bình thường hoá vào năm 1991 và hai bên đã triển khai công tác phân giới cắm mốc và công việc này đã được hoàn thành vào cuối năm 2008. Hiệp định khung về phân định Vịnh Bắc Bộ cũng đã được ký kết và có hiệu lực.

Bài viết này trình bày những thành tựu của hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng trong khuôn khổ quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với các nước ASEAN bao gồm nội dung và mục tiêu. Sau đó, bài viết điểm lại những phản hồi và quan điểm của Việt Nam đối với các sáng kiến của Trung Quốc. Cuối cùng, bài viết sẽ phân tích những thách thức đối với Trung Quốc trong việc thúc đẩy dự án này.

I. QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA TRUNG QUỐC VÀ CÁC NƯỚC ASEAN

Tháng 6 năm 1991, việc Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham tham dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao các nước ASEAN với tư cách là quan sát viên, đã đánh dấu mốc quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và các nước ASEAN. Cùng thời điểm đó, Trung Quốc cũng tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) (Diễn đàn này giúp tạo ra cơ chế cho việc đảm bảo đối thoại an ninh trong khu vực). Khi Hội nghị Thượng đỉnh đầu tiên của ASEAN + 3 (bao gồm các nước ASEAN và 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc, và Hàn Quốc) tại Kuala Lumpur vào tháng 12 năm 1997 thì hội thị thượng đỉnh đầu tiên giữa Trung Quốc và các nước ASEAN cũng diễn ra và Tuyên bố chung giữa ASEAN và Trung Quốc "Láng giềng tốt và Đối tác chiến lược hướng tới thế kỷ XXI" đã được ký kết.

Sau năm 2000, quan hệ Trung Quốc-ASEAN mở rộng nhanh chóng. Vào tháng 11 năm 2002, "*Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện*" được ký kết. Thỏa thuận này quy định hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN-Trung Quốc trong khuôn khổ của Hiệp định Mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA). Tuyên bố về "*Láng giềng tốt và Đối tác hữu nghị*" năm 1997 đã được nâng lên một tầm cao mới trong Tuyên bố chung ASEAN-Trung Quốc "*Đối tác chiến lược vì hoà bình và thịnh vượng*", đã khẳng định về hợp tác toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc trong các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội và quan hệ quốc tế trong khu vực châu Á.

Trong khuôn khổ của ACFTA và Thỏa thuận về đối tác chiến lược, Trung Quốc đã tạo đà cho sự hợp tác khu vực bằng việc tổ chức Hội chợ thương mại ASEAN-Trung Quốc và Hội nghị thượng đỉnh về kinh doanh và đầu tư hằng năm tại Nam Ninh. Tiếp đó, Trung Quốc đề xuất về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng tại Diễn đàn Kinh tế Vịnh Bắc Bộ tại Nam Ninh vào tháng 6 năm 2006.

II. SỰ TIẾN TRIỂN VÀ CÁC MỤC TIÊU CỦA HỢP TÁC KINH TẾ VỊNH BẮC BỘ MỞ RỘNG

Vịnh Bắc Bộ là một khu vực bao quanh bởi bờ biển của Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, bán đảo Lôi Châu, phía Tây của đảo Hải Nam và khu vực bờ biển của phía Bắc, Việt Nam, với diện tích khoảng 130.000km². Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng là một sáng kiến xoay quanh Vịnh Bắc Bộ để thúc đẩy sự hợp tác kinh tế trong 7 nước, bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines và Brunei.

Vào các ngày 20 và 21-6-2006, Chính quyền Quảng Tây được sự tài trợ của một số cơ quan Trung Quốc và Ngân hàng phát triển châu Á và đã tổ chức Diễn đàn Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng tại Nam Ninh. Các đại biểu tham gia đã thảo luận về những khả năng hợp tác trong việc tạo ra một cực tăng trưởng mới trong khuôn khổ Trung Quốc và ASEAN và đồng ý cùng nghiên cứu và trao đổi về vấn đề này. Họ cùng đồng ý sẽ cùng tổ chức Diễn đàn này mỗi năm một lần.

Diễn đàn lần thứ hai được tổ chức ở Nam Ninh vào ngày 26 và 27-7-2007 với chủ đề “Cùng xây dựng Một cực tăng trưởng Trung Quốc-ASEAN: Diễn đàn mới-Cơ hội mới và Sự phát triển mới”. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch của Trung Quốc đã tuyên bố về các chính sách tích cực nhằm thúc đẩy hợp tác và nhấn mạnh ý tưởng công nghiệp du lịch nên là trung tâm của sự hợp tác trong khu vực.

Mặt khác, Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê duyệt Quy hoạch phát triển hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ Quảng Tây (2006 -2020) và chính thức đưa Vịnh Bắc Bộ Quảng Tây vào trong chiến lược phát triển quốc gia. Quy hoạch trên nêu rằng: 1) Khu vực kinh tế Vịnh Bắc Bộ nằm ở vị trí là điểm giao giữa vành đai kinh tế Nam Trung Quốc, vành đai kinh tế Tây Nam Trung Quốc và vành đai kinh tế ASEAN; 2) Đây là vùng duyên hải nằm trong Chương trình phát triển miền Tây của Trung Quốc; 3) Khu vực kinh tế Vịnh Bắc Bộ là khu vực hợp tác kinh tế quan trọng của Trung Quốc.

Vào ngày 30 và 31- 7-2008, Diễn đàn lần thứ 3 đã diễn ra tại Bắc Hải, Quảng Tây với chủ đề “Cùng xây dựng cực tăng trưởng mới ASEAN-Trung Quốc, liên kết, hợp tác, thịnh vượng”. Diễn đàn thảo luận những chủ đề chính như sau : 1) Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ trong bối cảnh kinh tế thế giới không ổn định và không cân bằng; 2) Những khó khăn hàng đầu và các xu hướng của hợp tác phát triển tiểu vùng Vịnh Bắc Bộ; 3) Sự bắt đầu và phát triển của khu kinh tế

Vịnh Bắc Bộ Quảng Tây và Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

Theo các nhà tổ chức, Diễn đàn năm 2008 có những điểm đáng chú ý là⁽¹⁾: 1) Sự tham gia của hai nhà đồng tài trợ mới là Ủy ban Cải cách và chính quyền Hải Nam; 2) Thành phố Bắc Hải lần đầu tiên tổ chức Diễn đàn; 3) Tổ chức Kỳ họp Nhóm chuyên gia về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

Sự tham gia của ủy ban Phát triển và cải cách quốc gia dường như đảm bảo cho việc thông qua Khu vực kinh tế Vịnh Bắc Bộ của Quảng Tây thành một dự án của quốc gia. Sự tham gia của chính quyền Hải Nam cũng đóng vai trò quan trọng không kém vì Hải Nam là một bộ phận không thể thiếu của Vịnh Bắc Bộ. Tuy nhiên, sự vắng mặt của Hải Nam trong diễn đàn thứ nhất và thứ hai có vẻ kỳ lạ. Theo báo cáo, diễn đàn đã thảo luận làm thế nào để hợp tác trong Vịnh Bắc Bộ trong bối cảnh kinh tế không sáng sủa sau khi khủng hoảng cho vay dưới chuẩn ở Mỹ và đã thống nhất một số điểm như sau⁽²⁾:

1. Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc, hội nhập kinh tế và thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của các nước tham gia.

2. Nâng cao sự phối hợp, trao đổi và đưa chương trình hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng vào trong khuôn khổ của việc xây dựng Khu mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc.

3. Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng nên bổ sung cho các cơ chế hợp tác tiểu vùng trong khu vực, chẳng hạn như Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông.

Vào tháng 1-2009, Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây đã đưa ra một số chính sách và quy định về “Thúc đẩy sự mở cửa và phát triển Khu hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ của Quảng Tây”⁽³⁾. Các chính sách ưu đãi bao gồm 7 lĩnh vực như sau:

1. Công nghiệp: Nhà nước khuyến khích một số các dự án công nghiệp quan trọng.

2. Về thuế: Việc miễn giảm thêm thuế sẽ được áp dụng từ năm 2008 đến năm 2010 đối với các doanh nghiệp vốn đã được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế.

3. Sử dụng đất: Các dự án công nghiệp chính phù hợp với chính sách công nghiệp, các yêu cầu về bảo vệ môi trường và chính sách sử dụng đất của quốc gia sẽ được ưu tiên trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

4. Hợp tác kinh tế quốc tế và ngoại thương: Các chính sách và quy định cho phép các doanh nghiệp nước ngoài được mở rộng phạm vi kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động trong ngành công nghiệp.

Theo một website chính thức của Trung Quốc, các mục tiêu của Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ được đề ra trong kế hoạch ngắn hạn và dài hạn như sau⁽⁴⁾:

Mục tiêu trong Quy hoạch 5 năm (2006 - 2011):

1. Xây dựng cơ chế và nền tảng hiệu quả cho hợp tác khu vực.

2. Thiết lập những mạng lưới cơ bản trên đất liền, trên biển và trên không giữa Trung Quốc và ASEAN thông qua việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá và hành khách giữa Trung Quốc và ASEAN.

4. Nỗ lực thiết lập một cơ chế để hình thành Khu Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ và để đạt được những tiến bộ trong các dự án hợp tác cụ thể giữa Việt Nam và Trung Quốc.

5. Hoàn thiện khu vực du lịch ở Vịnh Bắc Bộ.

6. Lập kế hoạch đối với việc phát triển Khu Kinh tế Vịnh Bắc Bộ, Quảng Tây.

Quy hoạch dài hạn cho 10 năm đến 20 năm (2016 - 2026)

1. Xây dựng mạng lưới giao thông trên cả ba phương diện: Giao thông trên bộ, trên biển và trên không.

2. Xây dựng cảng liên hiệp Vịnh Bắc Bộ mở rộng, bao gồm một hệ thống dịch vụ bán hàng phát triển, có vai trò chia sẻ và hợp tác tốt.

3. Xây dựng một khu vực sinh thái mà trong đó các tài nguyên biển và sinh thái được bảo vệ hiệu quả, phát triển hài hoà, bền vững giữa kinh tế, xã hội và môi trường thiên nhiên.

4. Xây dựng một Khu du lịch Vịnh Bắc Bộ phát triển.

5. Xây dựng cơ sở hậu cần, cơ sở thương mại và cơ sở sản xuất chế biến và trung tâm thông tin cho Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng của Khu vực Kinh tế Vịnh Bắc Bộ, Quảng Tây.

6. Xây dựng một cộng đồng Kinh tế Vịnh Bắc Bộ hài hoà, tương hỗ và có tính thống nhất cao và thiết lập một khu vực tăng trưởng kinh tế mới ở bờ Tây của Thái Bình Dương.

III. QUAN ĐIỂM VIỆT NAM

1. Phản hồi của Việt Nam đối với các sáng kiến của Trung Quốc

Kể từ sau khi bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vào tháng 11-1991, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã có chuyến thăm chính thức Trung Quốc vào tháng 2-1999. Hai bên đã ra Tuyên bố chung, được thể hiện qua 16 chữ: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”. Năm 2000, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã có chuyến thăm chính thức Trung Quốc và đã ký Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và hợp tác nghề cá.

Cùng với việc đẩy mạnh quan hệ với cộng đồng các nước ASEAN kể từ sau năm 2000, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không ngừng được cải thiện. Thủ tướng Việt Nam, Phan Văn Khải đã thăm chính thức Trung Quốc vào tháng 5 năm 2004 và đề xuất ý tưởng về kế hoạch hợp tác kinh tế song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc với Thủ tướng Ôn Gia Bảo, đó là chương trình “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”. Hai hành lang kinh tế là: hành lang Nam Ninh-Lạng Sơn-Hà Nội-Hải Phòng và hành lang Côn Minh-Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh, vành đai kinh tế là vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ. Phía

Trung Quốc đã đồng ý với ý tưởng này của Việt Nam.

Vào tháng 7-2006, chính quyền khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây đã tổ chức Diễn đàn Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ tại Nam Ninh. Tại diễn đàn này, Trung Quốc đã đề xuất đối với các nước ASEAN bao gồm cả Việt Nam sáng kiến về “Một trục, hai cánh”. Sáng kiến này nhằm: 1. Phát triển hành lang kinh tế Nam Ninh-Singapore, 2. Thực hiện hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông, mà hợp tác này đang được thực hiện, 3. Phát triển hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng, bao gồm chiến lược Hai hành lang một vành đai kinh tế đã được ký kết với Việt Nam.

Sau đó, đã có sự khác biệt trong ưu tiên hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trung Quốc ưu tiên phát triển hành lang kinh tế Nam Ninh-Singapore, nối giữa Vành đai kinh tế đồng bằng sông Châu Giang với các quốc gia ở vùng biển phía Nam. Trong khi, Việt Nam ưu tiên phát triển hành lang kinh tế Côn Minh-Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh hơn là ưu tiên phát triển hành lang kinh tế Nam Ninh-Singapore bởi vì vấn đề phát triển kinh tế cho các tỉnh phía Tây Bắc Việt Nam đang là nhu cầu cấp bách hiện nay.

Chính phủ Việt Nam đã có những bước tiến cơ bản từ năm 2007 với Trung Quốc trong thoả thuận “Hai hành lang một vành đai kinh tế”. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Kế hoạch phát triển khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc tới năm 2020” (1151/QĐ-TTg, 30/08/07).

Mục đích của kế hoạch này là nhằm phát triển kinh tế xã hội và duy trì an ninh quốc gia ở các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Khu vực biên giới là khu vực chiến lược nhất về kinh tế và an ninh quốc gia đối với Việt Nam. Kế hoạch này còn có mục đích liên kết khu vực biên giới với Hà Nội và các khu vực kinh tế phía Bắc và củng cố quan hệ của các khu vực này.

Tuy nhiên, vào tháng 7-2007, một thuyền đánh cá của Việt Nam bị thuyền của Trung Quốc bắn vì cho rằng chiếc thuyền đánh cá này hoạt động trong vùng biển thuộc đảo Trường Sa do phía Trung Quốc chiếm giữ. Vào tháng 11-2007, Chính phủ Việt Nam đã phản đối các cuộc tập trận của Trung Quốc tại khu vực quần đảo Hoàng Sa. Mặt khác, Chính phủ Trung Quốc đã phê chuẩn việc thành lập thành phố Tam Sa, mà thành phố này là sự sáp nhập của quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, mặc dù phía Việt Nam đã tuyên bố chủ quyền về hai quần đảo này⁽⁵⁾. Vào tháng 12, khoảng 300 người đã đứng biểu tình trước Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội. Và khoảng một tuần sau, đã có khoảng 1000 người đã biểu tình phản đối Trung Quốc ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình tiếp tục xấu đi, vào tháng 1-2008, xảy ra vụ đụng độ giữa ngư dân Việt Nam với ngư dân Trung Quốc ở khu vực đánh cá chung tại Vịnh Bắc Bộ.

Do một loạt các xung đột trên, động lực hợp tác với Trung Quốc có phần nguội lạnh đi.

Sau các nỗ lực ngoại giao giữa hai bên, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Nông Đức Mạnh đã có cuộc gặp mặt Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào trong chuyến thăm Trung Quốc vào tháng 5-2008. Hai bên đã đồng ý trong việc nỗ lực ổn định tình hình trên Biển Đông và duy trì cơ chế đối thoại giữa hai nước. Hai bên cũng đồng ý tiến lên một bước đối với hợp tác chung (đối với tài nguyên dưới biển). Hơn nữa, như một kết quả mở ra kỷ nguyên mới, hai bên đồng ý nâng quan hệ hợp tác Việt-Trung lên một tầm cao mới “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”. Vào tháng 10-2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tới thăm Trung Quốc. Ông đã có cuộc gặp mặt với Thủ tướng Trung Quốc, Ôn Gia Bảo. Hai bên đã thống nhất chỉ đạo các cơ quan chính phủ để thực hiện nhanh chiến lược hợp tác “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”.

Vào tháng 12-2008, Việt Nam và Trung Quốc đã cùng kỷ niệm việc hoàn thành cắm khoảng 2000 cột mốc phân định biên giới trên đất liền giữa hai nước, và các căn cứ quân sự trên khu vực đường biên giới cũng được dỡ bỏ trong cùng thời gian này.

Chính phủ Việt Nam đã tiến lên một bước xa hơn bằng việc thông qua “Kế hoạch phát triển hành lang kinh tế mới hướng tới 2020 (98/2008/QĐ-TTg, 11/07/08)” trong tháng 7-2008. Trong khi kế hoạch năm 2007 chủ yếu là nhằm mục đích phát triển khu vực biên giới, kế hoạch năm 2008 nhấn mạnh hơn quan hệ hợp tác kinh tế với Trung Quốc, đặc

biệt là ý tưởng “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”. Chương trình Hai hành lang một vành đai kinh tế nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa hai nước thông qua việc xây dựng hai hành lang thành hai đường nhánh qua hai nước. Mục tiêu chung của kế hoạch 2008 là: 1. Xây dựng một hành lang kinh tế hiện đại và hoàn thiện từ Nam Ninh đến Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. 2. Tạo điều kiện thuận lợi và tạo ra một môi trường đầu tư cạnh tranh trong phát triển kinh tế và hợp tác kinh tế cho hai bên cũng như cho các doanh nghiệp. 3. Gắn hành lang kinh tế với vai trò quan trọng trong hợp tác kinh tế và thương mại giữa hai nước và là một phần quan trọng trong tuyến đường từ Nam Ninh đến Quảng Ninh.

Mặc dù các kế hoạch chính thức của Việt Nam đối với phát triển Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng với Trung Quốc đã được ban hành, nhưng một điều chưa rõ ràng là làm thế nào để huy động vốn và nguồn nhân lực để Việt Nam thực hiện kế hoạch này. Tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng rất chậm chạp, chẳng hạn như việc xây dựng các đường cao tốc từ Hà Nội tới các thành phố biên giới với Trung Quốc.

2. Quan điểm của Việt Nam đối với sáng kiến của Trung Quốc

Nhận thức của Việt Nam đối với sáng kiến của Trung Quốc khá phức tạp. Có một số quan điểm cho rằng sáng kiến của Trung Quốc về Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng nên được chấp nhận một

cách tích cực. Lý do đầu tiên là tiềm năng phát triển kinh tế của Trung Quốc có thể thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc vốn tụt hậu so với các tỉnh khác. Lý do thứ hai là từ quan điểm về an ninh quốc gia, khu vực kinh tế chung “tạo ra một khu vực đệm giữa Trung Quốc và Việt Nam nói riêng và giữa Trung Quốc và ASEAN nói chung”⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, một trong những nhà kinh tế học của Việt Nam, PGS. TS. Lê Văn Sang đã bày tỏ quan điểm về những mục tiêu chính của sáng kiến “Một trục hai cánh”⁽⁷⁾:

1. Thiết lập một vành đai kinh tế mới tại bờ Tây của Thái Bình Dương, dựa nội dung của Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng vào trong khuôn khổ hợp tác ASEAN-Trung Quốc.

2. Thiết lập một môi trường ổn định ở khu vực biên giới cả trên đất liền và trên biển, trong toàn bộ khu vực, mở rộng không gian phát triển cho Trung Quốc và cho khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông, và thông qua khu vực Ấn Độ Dương tiếp cận với thị trường thế giới nhằm phát triển khu vực Tây Nam, Trung Quốc.

3. Đưa quan hệ hợp tác ASEAN-Trung Quốc đi vào hiệu quả và thực chất cũng như đảm bảo an ninh năng lượng của Trung Quốc tại Biển Đông.

Từ những luận cứ này, giáo sư đã có những phân tích đáng chú ý sau:

1. Sáng kiến này xuất phát từ nhu cầu về một không gian phát triển mới và nhu cầu đảm bảo an ninh năng lượng của kinh tế Trung Quốc.

2. Sáng kiến chiến lược này đã cho thấy một tầm nhìn tiên phong mới trong quá trình mở cửa và hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

3. Sáng kiến từng bước phù hợp với sáng kiến của Việt Nam “Hai hành lang, một vành đai kinh tế” và Khu mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc.

4. Giấc mơ về Vành đai kinh tế Trung Hoa rộng lớn có thể trở thành hiện thực cùng với các xu hướng phát triển của thời đại. Trung Quốc đã nhanh chóng nắm lấy cơ hội để mở rộng không gian phát triển với sáng kiến chiến lược “Một trục hai cánh”.

Chúng tôi có thể thấy rằng đằng sau những bình luận của các học giả Việt Nam là sự quan tâm sâu sắc đối với những bước tiến của Trung Quốc xuống phía Nam.

Một học giả khác của Việt Nam cũng đã bày tỏ quan điểm là vẫn còn một số trở ngại tồn tại trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với Trung Quốc trong khi quan hệ giữa ASEAN và Trung Quốc đã có những bước tiến đáng chú ý. Ông

lập luận rằng đối với các lợi ích kinh tế, Trung Quốc và ASEAN + 4 (Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar), thương mại song phương không tương xứng với các thâm hụt và thiếu hụt. Đối với vấn đề an ninh, ông lập luận rằng, các xung đột và tranh chấp vẫn xảy ra giữa Trung Quốc và một số nước ASEAN, như “khối mây đen”, nếu không giải quyết thỏa đáng, nó sẽ gây những tác động tiêu cực lên quan hệ giữa các nước⁽⁸⁾.

Bảng 1 đã cho thấy tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng chỉ có 218% trong 8 năm (2000 đến 2007), trong khi tốc độ tăng trưởng của kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng 892% trong cùng thời gian này.

Theo thống kê từ phía Trung Quốc, xu hướng này cũng tương tự. Trong khi tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng 774%, nhập-khẩu từ Việt Nam vào Trung Quốc tăng chỉ có 347%.

Bảng 1. SỰ CHUYỂN ĐỔI CỦA THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Đơn vị: Triệu USD

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	Tỷ lệ tăng trong 8 năm
Xuất khẩu	1.536	-	-	1.883	2.899	3.228	3.243	3.357	218%
Nhập khẩu	1.401	-	-	3.139	4.595	5.900	7.391	12.502	892%
Tổng cộng	2.937	-	-	5.022	7.494	9.128	10.634	15.859	540%

(Nguồn: Niên giám thống kê, Tổng cục thống kê, Việt Nam, 2001-2008)

Bảng 2. SỰ CHUYỂN ĐỔI CỦA THƯƠNG MẠI GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM.

Đơn vị: Triệu USD

	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	Tỷ lệ tăng trong 8 năm
Xuất khẩu	1.537	1.804	2.148	3.183	4.260	5.644	7.463	11.891	774%
Nhập khẩu	929	1.011	1.116	1.457	2.482	2.553	2.486	3.226	347%
Tổng cộng	2.466	2.815	3.264	4.639	6.742	8.197	9.949	15.118	613%

(Nguồn: Niên giám thống kê, 2001-2008)

Cùng với Việt Nam, các nước ASEAN tham gia khá thận trọng trong hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng. Trong khi Trung Quốc tuyên bố về tổ chức thành công Diễn đàn lần thứ 3, các bản tin đã cho rằng “mặc dù phía Trung Quốc đã thúc đẩy các nước ASEAN xác nhận một lần nữa các cam kết của họ đối với Vịnh Bắc Bộ, Phó Tổng thư ký các nước ASEAN Nicholas Tandi Dammen, người đã gặp Phó Chủ tịch Quảng Tây Li Jinzao tại diễn đàn, đã nói rằng ASEAN muốn giữ vị trí hiện tại trong hợp tác Vịnh Bắc Bộ và đang đợi ASEAN+7 ra quyết định cho vấn đề này⁽⁴⁾. Điều này cho thấy là ASEAN+7 đã để các vấn đề này lại để cho thấy được quan điểm của họ đối với toàn bộ thỏa thuận với Trung Quốc.

IV. NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC

Mặc dù Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng dường như có nhiều triển vọng và đem lại những lợi ích về mặt kinh tế chung cho các bên không chỉ Trung Quốc

mà còn cho các nước ASEAN, nhưng Trung Quốc cũng gặp phải một số thách thức cần phải vượt qua nhằm thúc đẩy chương trình hợp tác tiến lên phía trước như sau.

Trước hết, các nước ASEAN cần phải được thuyết phục là Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng là điều kiện tốt để thực thi ACFTA và thỏa thuận Hợp tác song phương với ASEAN. Nhằm thực thi 2 mục tiêu này, Vành đai kinh tế đồng bằng sông Châu Giang đã sẵn sàng mở ra cho ASEAN. Vành đai kinh tế này cũng đã có hạ tầng công nghiệp tốt hơn, cụm công nghiệp lớn hơn và sự tích lũy về vốn, kỹ thuật và nguồn nhân lực lớn hơn. Các nước ASEAN, ngoại trừ Việt Nam trong việc chia sẻ đường biên giới chung với Trung Quốc, không gặp bất cứ lý do cụ thể nào sau khi chọn Vịnh Bắc Bộ để thúc đẩy hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Nói cách khác, câu hỏi tại sao Vịnh Bắc Bộ tốt hơn các nơi khác đã được trả lời.

Thứ hai, cơ chế hợp tác giữa các tỉnh có liên quan ở Trung Quốc nên được thành lập và nâng cấp. Mặc dù tỉnh Hải Nam đóng một vai trò rất quan trọng ở Vịnh Bắc Bộ, nhưng chúng ta không thấy bất kỳ mô hình phát kiến lớn nào cho tỉnh này. Chỉ từ năm 2008 (Diễn đàn lần thứ 3) tỉnh này mới tham gia vào Diễn đàn hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng. Cũng khá ngạc nhiên trên quan điểm của ASEAN khi tỉnh Quảng Đông cũng không tham gia. Đối với các nước ASEAN, điều đáng phù hợp hơn khi diễn đàn của ACFTA bao gồm cả Quảng Tây, Hải Nam và Quảng Đông.

Thứ ba, Trung Quốc nên có những cam kết tích cực và năng động đối với Việt Nam. Những miễn cưỡng từ phía Việt Nam, như đã thấy trước đây, đến từ 2 lý do. Trước hết, sự lo sợ bị thất thế từ các cấp độ với Trung Quốc. Do vậy, Việt Nam nên được thuyết phục rằng Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng là đôi bên cùng có lợi, không phải là hình thức mà là sự thực. Điều may mắn là đã có dấu hiệu tốt gần đây từ phía Trung Quốc: "Việt Nam là cửa ngõ cho việc mở ra ASEAN và cho việc hợp tác với Trung Quốc. Khi mà 2 yếu tố này thực hiện tốt đẹp, thì Trung Quốc mới có thể thành công trong việc hợp tác và trao đổi với ASEAN. 2 tuyến đường cụ thể là Quảng Tây-Lạng Sơn-Hà Nội và Quảng Tây-Quảng Ninh-Hải Phòng nên được xây dựng trước tiên. Hành lang kinh tế từ Nam Ninh-Hà Nội-Bangkok-Singapore

nên được xây dựng từng bước một"⁽¹⁰⁾. Lý do khác được gắn liền với điểm tiếp theo.

Thứ tư, trong khi Trung Quốc tích cực chủ trương đưa ra những lợi ích trong hợp tác kinh tế của khu vực này, thì Trung Quốc lại làm tình hình căng thêm với các nước ASEAN trên các vấn đề lãnh thổ của Biển Đông. Những bằng chứng về việc xây dựng các hàng không mẫu hạm và tăng cường tàu ngầm nguyên tử chiến lược ở vùng biển này dường như mâu thuẫn với thông điệp của ASEAN trong việc thành lập khu vực hòa bình và hợp tác kinh tế với các quốc gia lân cận. Do vậy, Trung Quốc cần nhất quán trong việc tiếp cận với các nước ASEAN trong tất cả các lĩnh vực và cấp độ.

Kết luận

Kể từ chính sách cải cách và mở cửa của Đảng Tiểu Bình năm 1978, vùng kinh tế đồng bằng sông Châu Giang hình thành thông qua sự hợp tác kinh tế từ Hồng Kông. Vốn, kỹ thuật và nguồn nhân lực cho việc phát triển kinh tế đã được hình thành từ nhiều năm trước 1997 ở Hồng Kông, do các doanh nhân Trung Quốc phải chạy khỏi Trung Quốc lục địa sau thắng lợi của Đảng Cộng sản năm 1949. Họ trở về Nam Trung Quốc đặc biệt là ở tỉnh Quảng Đông sau chính sách cải cách và mở cửa và họ đã phát triển vùng đồng bằng sông Dương Tử.

Mặt khác, trước và sau sự sụp đổ của nhà Minh trước thế kỷ 20, nhiều nông dân nghèo Trung Quốc từ vùng Quảng Đông, Hải Nam và Phúc Kiến đã di sống lưu vong ở khu vực Đông Nam Á như

Singapore, Indonesia, Thái Lan, v.v... Họ làm việc trong các đồn điền và mỏ khoáng sản. Từ việc tiết kiệm tiền, họ bắt đầu chuyển sang buôn bán, môi giới hoặc cho vay tiền. Dần dần, họ thành công ở nơi ở mới. Sau Chiến tranh Thế giới thứ 2, họ đóng vai trò quan trọng của phát triển kinh tế ở các nước Đông Nam Á. Nhiều người trong số họ cũng đã trở về Trung Quốc sau chính sách Cải cách và Mở cửa.

Hợp tác kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng có thể được xem như là công trình trọng đại của Trung Quốc nhằm kêu gọi các Hoa kiều ở các nước Đông Nam Á tham gia vào việc phát triển kinh tế. Trong một vài năm, nếu điều này thành hiện thực, Vịnh Bắc Bộ và khu vực quanh nó có thể là Vành đai kinh tế Trung Quốc mở rộng. Các nước ASEAN bao gồm Việt Nam sẽ sẵn sàng biết làm thế nào để gắn kết với Trung Quốc trong bối cảnh chiến lược của nó vì một tương lai tươi sáng.

Một trường hợp về công ty Nhật Bản hướng đến vùng kinh tế Vịnh Bắc Bộ⁽¹¹⁾

Công ty A là một công ty Nhật bản chuyên sản xuất thiết bị âm thanh vận hành theo phương pháp OEM (Original Equipment Manufacturing: Cung cấp thiết bị). Công ty đặt trụ sở ở Tokyo và có sản phẩm mang tính toàn cầu và 1 mạng lưới cung cấp với 41 ngàn lao động và doanh thu 900 triệu USD.

Vào năm 1987, công ty bắt đầu ký hợp đồng sản xuất ở Quảng Châu. Trong khi vẫn còn có các cơ sở sản xuất ở các nước NIES, công ty bắt đầu tập trung hoạt

động sản xuất ở Trung Quốc vì lợi nhuận thấp ở các quốc gia này từ 1993. Công ty bắt đầu thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ở Quảng Châu từ tháng 10/2001 và hướng đến Trung Quốc bằng cách đóng tất cả các cơ sở sản xuất (8 nhà máy) ở Nhật Bản vào năm 2002. Do vậy, 95% sản phẩm của công ty được sản xuất tại Quảng Châu và có 25 ngàn lao động vào lúc đó (Việc sản xuất hiện này sau khi thành lập thêm nhà máy ở Việt Nam bao gồm: Quảng Châu: 75%, Việt Nam: 15%, Indonesia: 8% và Mexico: 2%).

Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2005, công ty hình thành cơ sở sản xuất mới bên ngoài Trung Quốc, vì các lý do: 1) Các vấn đề về nguồn nhân lực như thiếu nhân công, tăng lương, v.v...; 2) Giá cả lắp ráp không giảm; 3) "Những rủi ro ở Trung Quốc" chẳng hạn như dịch SARS.

Công ty bắt đầu nghiên cứu tính khả thi của việc đặt cơ sở sản xuất ở các nước ASEAN theo phương pháp loại trừ. Kết quả là, Việt Nam đã được lựa chọn. Thật ra công ty đã từng nghĩ đến Việt Nam trong khoảng năm 1992-1993. Nhưng công ty quyết định bỏ qua vì nghĩ rằng có quá nhiều công ty Hàn Quốc đã ở đó. Cuối cùng, lãnh đạo công ty quyết định đầu tư vào Việt Nam trong tháng 12/2005 và đặt trụ sở ở khu công nghiệp Việt Nam-Singapore thuộc tỉnh Bình Dương vào tháng 1-2006. Công ty cũng đã bắt đầu hoạt động chỉ sau nửa năm. Tại sao công ty lại có thể hoạt động sớm trong khoảng thời gian ngắn như vậy? Bí quyết là:

1. Hợp tác với 1 công ty Hàn Quốc trong khu công nghiệp.

Công ty A từng là một công ty cổ phần (với một công ty Hàn Quốc) và giải thể vào năm 1997. Tuy nhiên, tình cờ khi công ty A đặt trụ sở ở Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, họ phát hiện công ty Hàn Quốc đã hoạt động kể bên họ trong khu công nghiệp. Công ty A nỗ lực hợp tác với công ty cộng tác trước đây bằng cách tài trợ vốn. Sau đó, công ty xây dựng nhà máy trong khuôn viên công ty Hàn Quốc này. Khi việc xây dựng hoàn tất, những công nhân của công ty Hàn Quốc này đã trợ giúp công ty A lúc khởi đầu.

2. Hợp tác về nguồn nhân lực với các nhà máy của nó ở Trung Quốc.

Công ty đã gửi một số công nhân Việt Nam sang các công ty của họ ở Quảng Châu để đào tạo từ mùa xuân 2006. Ngược lại, khi bắt đầu hoạt động ở Việt Nam, công ty cũng gửi những công nhân Trung Quốc từ Quảng Châu sang Việt Nam để đào tạo cho các công nhân Việt Nam. Điều này đã đem lại hiệu quả cao và không có bất kỳ khó khăn nào.

3. Thuê 1 công ty xây dựng Việt Nam để xây dựng nhà máy

Có thể nói rằng, thông thường mất khoảng 1 năm để xây dựng 1 nhà máy nếu thuê 1 công ty xây dựng của Nhật Bản vào loại tốt. Tuy nhiên, công ty đã hoàn tất việc xây dựng nhà máy của mình chỉ trong nửa năm bằng cách thuê 1 công ty xây dựng Việt Nam.

Công ty A quyết định thành lập nhà máy thứ 2 ở Việt Nam vào tháng 4-2006. Quyết định này có trước khi vận hành nhà máy thứ 1. Công ty bắt đầu cho hoạt động nhà máy thứ 2 vào tháng 9-2007 tại cùng nơi. Tại sao lãnh đạo công ty lại vội vã như vậy? Bởi vì, công ty muốn giảm trong số 25 ngàn công nhân ở Quảng Châu xuống còn 12-13 ngàn người vì các khó khăn trong việc quản lý số lượng công nhân đông.

Công ty đã hình thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài cho việc sản xuất khuôn kim loại ở Quảng Châu vào tháng 5-2006. Công ty tránh Quảng Châu bởi vì loại hình doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, họ mong đón nhận được nguồn nhân lực tốt từ những đại học tốt ở Thượng Hải.

Sau đó, công ty đến vùng Nam Ninh năm 2008 và bắt đầu hoạt động vào tháng 10-2008. Lãnh đạo công ty thấy rằng mối quan tâm của Trung Quốc đối với việc hợp tác kinh tế với ASEAN và vùng Nam Ninh nằm ở giữa con đường giữa Quảng Châu và ASEAN. Thêm vào đó, công ty cũng có nhà cung cấp bên ngoài thành phố Ngọc Lâm, giữa Quảng Châu và Nam Ninh và công ty cũng quen thuộc với mạng lưới phân phối ở tỉnh Quảng Tây.

Thêm vào đó, lãnh đạo công ty quyết định đầu tư ở Đà Nẵng, miền Trung Việt Nam và có kế hoạch bắt đầu vào tháng 2/2009. Mục tiêu đầu tư vào Đà Nẵng là nhằm tránh những vấn đề ở vùng miền Nam như là tăng lương, thiếu lao động và đình công bất hợp pháp. Thêm vào đó,

công ty cũng đang tìm kiếm cơ hội trong tương lai đối với Myanmar thông qua hành lang kinh tế Đông-Tây mà hiện nay chưa xây dựng. Thêm vào đó, công ty cũng mong chờ hình thành cơ sở sản xuất ở Hải Phòng khi khu công nghiệp Việt Nam-Singapore thành lập ở đây.

Tóm lại, lãnh đạo công ty đã có 1 chiến lược kinh doanh Nam Trung Quốc và các nước thuộc ASEAN, đó là việc hình thành chuỗi sản xuất và cung cấp thiết bị Quảng C châu-Nam Ninh-Hải Phòng - Đà Nẵng-thành phố Hồ Chí Minh và xa hơn nữa.

Người dịch: **NÔNG BẰNG NGUYỄN**
HÀ THỊ HỒNG VÂN

CHÚ THÍCH:

(1) Chín điểm nhấn mạnh trong Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng (Nine Highlights of the Pan Beibu Gulf Economic Development and Cooperation Forum) <http://english.nanning.gov.cn/n725531/n751804/n752421/n1556201/2424244.html>, 2009/02/03

(2) Tóm tắt của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng (Summary of 2008 Forum on Pan Beibu Gulf Economic Cooperation) <http://english.nanning.gov.cn/n725531/n751804/n752421/n1556201/2546895.html>, 2009/02/03

(3) Quảng Tây ban hành các chính sách ưu đãi đối với Vịnh Bắc Bộ (Guangxi issues seven preferential policies for Beibu Gulf) <http://English.peopledaily.com.cn/90001/90776/90884/6572435.html>, 2009/02/03

(4) http://japanese.china.org.cn/business/node_7025998.htm, 2009/02/03, được dịch ra tiếng Anh

(5) Trên thực tế, các đảo này được 6 nước tuyên bố chủ quyền, trong đó bao gồm cả Việt Nam và Trung Quốc.

(6) Lưu Ngọc Trinh: *Tonkin Gulf Economic Circle with Building ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA), ASEAN-CHINA COOPERATION IN THE NEW CONTEXT*. Vietnam Academy of Social Sciences. Center for ASEAN and China studies, Encyclopaedia Publishing House, September, 2008.

(7) Lê Văn Sang: *Hợp tác Hai hành lang, Một vành đai kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới (Vietnam-China: "Two Corridors, One Circle" Plan in the New Context)*, trang 228-230 trong Hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc trong bối cảnh mới (ASEAN-CHINA COOPERATION IN THE NEW CONTEXT) Viện KHXH Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu ASEAN - Trung Quốc, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, tháng 9-2008.

(8) Đỗ Tiến Sâm: *Hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc và tác động của nó đối với tiến trình xây dựng cộng đồng ASEAN trong Hợp tác giữa ASEAN và Trung Quốc trong bối cảnh mới (ASEAN-CHINA COOPERATION IN THE NEW CONTEXT)* Viện KHXH Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu ASEAN - Trung Quốc, Nhà xuất bản Từ điển Bách Khoa, tháng 9-2008.

(9) Thích hợp đối với ASEAN (Tailor-made for ASEAN, thestar online) <http://thestar.com.my/columnists/story.asp?file=/2008/8/2/columnists/shanghaibund/2...>, 2009/02/03.

(10) Báo cáo hàng năm về Hợp tác Vịnh Bắc Bộ mở rộng (Tạp chí Khoa học xã hội Trung Quốc (Annual Report on the cooperation and development of Pan-Beibu Gulf Area (2008), Social Sciences Academic Press (China)), trang 48.

(11) Phần này dựa trên một phỏng vấn với giám đốc Doanh nghiệp A vào tháng 8-2008.